

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HS-ST

Ngày 13/8/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Bá Thị và ông Hà Đức Trưởng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2019/TLST- HS ngày 11 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2019 đối với Bị cáo :

Họ và tên: **NGUYỄN THẾ H,** Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 24 tháng 11 năm 1993, tại: xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu 6, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do (nguyên làm Kế toán trường Mầm non Th);

Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967 và bà: Hoàng Thị T, sinh năm 1968;

Có vợ: Lê Hồng N, sinh năm 1993 và 01 con (sinh năm 2017);

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/01/2019, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ - Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- Người bào chữa cho Bị cáo H: Ông Lã Thành C – Trợ giúp viên thuộc Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- *Bị hại:* Trường Mầm non Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
Người đại diện theo pháp luật: Bà Phùng Thị H1, sinh năm 1966
Địa chỉ: xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
 - + Bà Phùng Thị H1, sinh năm 1966;
Địa chỉ: Khu 3, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).
 - + Chị Lê Hồng N, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Khu 6, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (có mặt).
- *Người làm chứng:*
 - + Anh Hà Việt T, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Khu 1, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).
 - + Anh Nguyễn Đình H2, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Khu 10, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Trường Mầm non Th, là đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo của huyện T, do bà Phùng Thị H1 làm Hiệu trưởng (theo Quyết định điều động cán bộ quản lý trường học số: 2944/QĐ-UBND ngày 29/8/2012 của Chủ tịch UBND huyện T).

Nguyễn Thế H được tuyển dụng và phân công viên chức sự nghiệp giáo dục và nhận công tác tại Trường Mầm non Th theo Quyết định số: 2759/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của Chủ tịch UBND huyện T; ngày 21/8/2014 Hiệu trưởng Nhà trường đã quyết định phân công lao động và chuyên môn giao cho H làm nhiệm vụ phụ trách kế toán Trường Mầm non Th.

Năm 2018, Trường Mầm non Th được UBND huyện T giao Dự toán chi ngân sách nhà nước số tiền: 5.008.298.000 đồng theo Quyết định số: 4040/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện T. Nguyễn Thế H được bà Phùng Thị H1 giao nhiệm vụ cùng quản lý số tiền dự toán trên và trực tiếp làm các chứng từ chi tiêu số tiền dự toán theo quy định.

Từ khoảng tháng 3/2018 đến tháng 10/2018, khi làm các chứng từ để rút tiền H đã cố ý sửa và tự nâng hệ số lương ngạch bậc, phụ cấp ưu đãi của cột “Tổng” trong Bảng thanh toán tiền lương; đồng thời tự sửa và nâng cột tiền lương, phụ cấp thực tế mà H được hưởng

trong danh sách chuyển lương qua tài khoản ATM khớp với số tiền chênh lệch do nâng không tổng hệ số lương trong Bảng thanh toán tiền lương gửi Kho bạc nhà nước huyện T (nay viết tắt là Kho bạc). Toàn bộ chứng từ trên được H trình bà Phùng Thị H1 – là chủ sử dụng ngân sách của Trường Mầm non Th ký duyệt. Do tin tưởng H nên bà H1 đã ký duyệt và giao cho H đem các chứng từ trên đến Kho bạc để làm thủ tục rút tiền. Tại Kho bạc, ông Hà Viết T kiểm soát từ tháng 3/2018 đến tháng 5/2018; ông Nguyễn Đình H2 kiểm soát từ tháng 6/2018 đến tháng 10/2018 không phát hiện ra có sự sai lệch giữa hệ số lương, phụ cấp của từng người với cột “Tổng” trong Bảng thanh toán tiền lương nên đã đề xuất duyệt xác nhận. Kho bạc đã làm Lệnh chuyển tiền theo số tiền ghi trên Giấy rút dự toán do H cung cấp, gửi cho Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện T (nay viết tắt là Ngân Hàng) để Ngân Hàng thực hiện chuyển tiền vào tài khoản ATM cho cán bộ, công nhân, viên chức của Trường Mầm non Th. Sau khi có Lệnh chuyển tiền của Kho bạc, H mang Danh sách chuyển lương đã sửa chữa trên đến Ngân Hàng để thực hiện chuyển tiền. Toàn bộ số tiền chênh lệch so với Bảng lương thực tế được chuyển và tài khoản cá nhân của H số: 2702215033375 tại Ngân Hàng. Bằng thủ đoạn trên, H đã chiếm đoạt được từ Dự toán chi ngân sách năm 2018 của Trường Mầm non Th tổng số tiền: 312.294.782 đồng, cụ thể các lần như sau:

- Tháng 3/2018, Ngân Hàng đã chuyển vào tài khoản trên của H số tiền là: 28.461.352 đồng. Trong đó, tiền lương thực tế H được nhận là: 5.191.410 đồng; số tiền H chiếm đoạt là: 23.269.942 đồng.
- Tháng 4/2018, Ngân Hàng đã chuyển vào tài khoản trên của H số tiền là: 42.423.410 đồng. Trong đó, tiền lương thực tế H được nhận là: 5.191.410 đồng; số tiền H chiếm đoạt là: 37.232.400 đồng.
- Tháng 5/2018, Ngân Hàng đã chuyển vào tài khoản trên của H số tiền là: 44.604.810 đồng. Trong đó, tiền lương thực tế H được nhận là: 5.191.410 đồng; số tiền H chiếm đoạt là: 39.413.400 đồng.
- Tháng 6/2018, Ngân Hàng đã chuyển vào tài khoản trên của H số tiền là: 44.604.810 đồng. Trong đó, tiền lương thực tế H được nhận là: 5.191.410 đồng; số tiền H chiếm đoạt là: 39.413.400 đồng.
- Tháng 7/2018, Ngân Hàng đã chuyển vào tài khoản trên của H số tiền là: 47.665.143 đồng. Trong đó, tiền lương thực tế H được nhận là: 5.523.123 đồng; số tiền H chiếm đoạt là: 42.142.020 đồng.

- Tháng 8/2018, Ngân Hàng đã chuyển vào tài khoản trên của H số tiền là: 47.665.143 đồng. Trong đó, tiền lương thực tế H được nhận là: 5.523.123 đồng; số tiền H chiếm đoạt là: 42.142.020 đồng.
- Tháng 9/2018, Ngân Hàng đã chuyển vào tài khoản trên của H số tiền là: 49.864.123 đồng. Trong đó, tiền lương thực tế H được nhận là: 5.523.123 đồng; số tiền H chiếm đoạt là: 44.341.000 đồng.
- Tháng 10/2018, Ngân Hàng đã chuyển vào tài khoản trên của H số tiền là: 49.864.123 đồng. Trong đó, tiền lương thực tế H được nhận là: 5.523.123 đồng; số tiền H chiếm đoạt là: 44.341.000 đồng.

Toàn bộ số tiền 312.294.782 đồng đã chiếm đoạt được, H đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 06/12/2019, H bị Chủ tịch UBND huyện T kỷ luật bằng hình thức “Buộc thôi việc” theo Quyết định số: 4974/QĐ-UBND với lý do “Tự ý bỏ việc”.

Sau khi phát hiện H chiếm đoạt tiền ngân sách của Trường Mầm non Th, ngày 12/12/2018, bà Phùng Thị H1 đã có đơn tố giác đến Cơ quan CSĐT – Công an huyện T. Ngày 17/12/2018 bà H1 đã nhờ bà Hà Thị P – là giáo viên Trường Mầm non Th đến Kho bạc nộp vào tài khoản của Trường Mầm non Th số tiền 313.228.340 đồng để khắc phục hậu quả do H gây ra.

Trong quá trình Điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì khác về hành vi phạm tội của Bị cáo.

2. Về các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 02/01/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ đã có Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 04; Quyết định khởi tố Bị can số: 08 đối với Nguyễn Thế H về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (nay viết tắt là BLHS năm 2015).

Đối với bà Phùng Thị H1 - Hiệu trưởng trường Mầm non Th, là thủ trưởng trực tiếp và là chủ tài khoản; là người được giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng có hiệu quả tiền ngân sách nhưng đã thiếu sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ đối với kế toán gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 312.294.782 đồng. Hành vi của bà H1 là thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng gây thiệt hại tài sản số tiền 312.294.782 đồng đủ yếu tố cấu thành tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” được quy định tại Khoản 1 Điều 360 của BLHS năm 2015 có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. Tuy nhiên, bà H1 đã tự nguyện khắc phục hậu quả nộp lại vào tài khoản của Trường Mầm non Th số tiền 313.228.340 đồng và được Người đại diện hợp pháp của Trường Mầm

non Th tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015: “ *Người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự*” để miễn trách nhiệm hình sự cho bà H1 và kiến nghị Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện T có biện pháp xử lý sai phạm của bà H1 theo quy định.

Đối với ông Hà Viết T và ông Nguyễn Đình H2 được giám đốc Kho bạc nhà nước huyện T giao nhiệm vụ kiểm soát chi đối với trường Mầm non Th. Cả hai ông đã không phát hiện được việc các chứng từ do Nguyễn Thế H lập bị chênh lệch là thiếu trách nhiệm. Tuy nhiên theo quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính quy định về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước và Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 161/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật trong lĩnh vực Kho bạc nhà nước không quy định cụ thể việc cán bộ kiểm soát chi phải chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra giữa số liệu chi tiết và số liệu phần tổng trên chứng từ do đơn vị sử dụng ngân sách cung cấp. Tính chính xác của các nội dung trên chứng từ do đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm, cụ thể quy định tại điểm b, Khoản 3, Điều 4 của Thông tư số 161/2012/TT-BTC quy định về trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách như sau: “...*Quyết định chi theo chế độ, tiêu chuẩn và mức chi trong phạm vi dự toán chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN chịu trách nhiệm về quyết định chi và tính chính xác của các nội dung chi trên bảng kê chứng từ gửi KBNN*”. Cán bộ kiểm soát chi chỉ đối chiếu chế độ, tiêu chuẩn của từng người được hưởng lương trên Bảng thanh toán tiền lương đúng với số liệu trên Giấy rút dự toán ngân sách mà trường Mầm non Th lập và chỉ ký xác nhận trên bản Giấy rút dự toán ngân sách theo quy định mà không phải ký xác nhận trên Bảng thanh toán tiền lương. Mặt khác, quá trình điều tra xác định ông Hà Viết T và ông Nguyễn Đình H2 không có biết, không cùng tham gia với Nguyễn Thế H chiếm đoạt tiền ngân sách. Do vậy, không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Hà Viết T và Nguyễn Đình H2. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T kiến nghị Kho bạc Nhà nước huyện T xử lý đối với ông Hà Viết T và Nguyễn Đình H2 theo quy định.

Đối với số tiền bảo hiểm bị chênh lệch do Nguyễn Thế H nâng khống hệ số lương, ngạch bậc, phụ cấp ưu đãi của cột Tổng trong Bảng thanh toán tiền lương, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Bảo hiểm xã hội huyện T xác định trong thời gian từ tháng 3/2018 đến tháng 10/2018 là 63.158.610 đồng. Tính đến thời điểm hết tháng 10/2018, số tiền bảo hiểm còn tồn của đơn vị trường Mầm non Th tại Bảo hiểm xã hội huyện T là: 64.066.844 đồng. Số tiền trên Bảo hiểm xã hội huyện T đã chuyển sang kỳ sau cho đơn vị trường Mầm non Th. Do vậy, Cơ quan điều tra không tiến hành thu hồi số tiền bảo hiểm chênh lệch nêu.

Bà Phùng Thị H1 đã nộp vào tài khoản của trường Mầm non Th tại Kho bạc Nhà nước huyện T số tiền 313.228.340 đồng, số tiền này nhiều hơn số tiền ngân sách 312.294.782 đồng của trường Mầm non Th bị H chiếm đoạt là 933.558 đồng. Bà H1 tự nguyện không đề nghị nhận lại nên không đề cập xử lý. Đối với số tiền 312.294.782 đồng, bà H1 đề nghị Nguyễn Thế H phải hoàn trả cho bà.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thế H đã tự nguyện, chủ động tác động để vợ là Lê Hồng Nhung giao nộp, khắc phục một phần thiệt hại do hành vi phạm tội của H gây ra với số tiền 20.000.000 đồng.

Đối với chiếc máy tính nhãn hiệu Asus, màu đen (đã qua sử dụng) do Nguyễn Thế H sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác định chiếc máy tính trên là tài sản hợp pháp của trường Mầm non Th. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả lại cho trường Mầm non Th.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 19/CT-VKSTS ngày 10/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Bị cáo Nguyễn Thế H về tội “*Tham ô tài sản*” theo Điểm d Khoản 2 Điều 353 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về trách nhiệm hình sự:* Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 353; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 38 của BLHS năm 2015.

Xử phạt Bị cáo Nguyễn Thế H từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 02 tháng 01 năm 2019).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo Nguyễn Thế H.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Khoản 2 Điều 579, Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Xác nhận ngày 26/11/2018 và ngày 17/12/2018, bà Phùng Thị H1 (do bà Hà Thị P nộp thay) đã nộp vào tài khoản, trả cho Trường Mầm non Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ số tiền: 313.228.340 đồng khắc phục thiệt hại thay cho Bị cáo H.

Công nhận sự thỏa thuận giữa Bị cáo Nguyễn Thế H và bà Phùng Thị H1: Bị cáo H phải trả lại cho bà Phùng Thị H1 số tiền: 312.294.782 đồng.

Xác nhận ngày 26/4/2019, Nguyễn Thế H đã giao nộp: 20.000.000 đồng (do vợ là chị Lê Hồng N nộp thay) để khắc phục hậu quả. Số tiền trên hiện đã được Cơ quan CSĐT – Công an huyện T chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tại Kho bạc Nhà nước huyện T ngày 12/7/2019. Nay tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015; Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận ngày 08/5/2019, Cơ quan CSĐT – Công an huyện T đã trả lại cho Trường Mầm non Th (do Người đại diện hợp pháp là bà H1 nhận) 01 chiếc máy tính Laptop, nhãn hiệu Asus, màu đen (đã qua sử dụng).

- *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, g khoản 1 Điều 23, Khoản 2 Điều 26 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc Bị cáo Nguyễn Thế H phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, Người bào chữa, Bị cáo, Người đại diện hợp pháp của Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

4. Người bào chữa cho Bị cáo đồng ý với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho Bị cáo hình phạt ở mức theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

5. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo H ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các Bị cáo, Người đại diện cho Bị hại, Người có quyền và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Tại phiên tòa hôm nay Bị cáo Nguyễn Thế H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Lời khai nhận của Bị cáo thống nhất, phù hợp với nhau, đồng thời phù hợp với lời khai của Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận:

Ngày 19/8/2014, Nguyễn Thế H được tuyển dụng, phân công viên chức sự nghiệp giáo dục và nhận công tác tại Trường Mầm non Th, huyện T; được Hiệu trưởng Trường Mầm non Th phân công giao cho làm nhiệm vụ phụ trách kế toán Trường Mầm non Th. Năm 2018, Trường Mầm non Th được UBND huyện T giao Dự toán chi ngân sách nhà nước số tiền: 5.008.298.000 đồng; Nguyễn Thế H được giao nhiệm vụ quản lý số tiền dự toán trên và trực tiếp làm các chứng từ chi tiêu số tiền dự toán theo quy định.

Từ tháng 3/2018 đến tháng 10/2018, khi làm các chứng từ để rút tiền hàng tháng cho Trường Mầm non Th Nguyễn Thế H đã cố ý sửa và tự nâng hệ số lương ngạch bậc, phụ cấp ưu đãi của cột “Tổng” trong Bảng thanh toán tiền lương; đồng thời tự sửa và nâng cột tiền lương, phụ cấp thực tế mà H được hưởng trong danh sách chuyển lương qua tài khoản ATM khớp với số tiền chênh lệch do nâng khống tổng hệ số lương trong Bảng thanh toán gửi Kho bạc. Toàn bộ chứng từ trên được H trình bà Phùng Thị H1 - là chủ sử dụng ngân sách của Trường Mầm non Th ký duyệt để gửi Kho bạc. Tại Kho bạc, ông Hà Viết T kiểm soát từ tháng 3/2018 đến tháng 5/2018; ông Nguyễn Đình H2 kiểm soát từ tháng 6/2018 đến tháng 10/2018 không phát hiện ra có sự sai lệch giữa hệ số lương, phụ cấp của từng người với cột “Tổng” trong Bảng thanh toán tiền lương nên đã đề xuất duyệt xác nhận. Kho bạc đã làm Lệnh chuyển tiền theo số tiền ghi trên Giấy rút dự toán do H cung cấp, gửi cho Ngân hàng để Ngân hàng thực hiện chuyển tiền vào tài khoản ATM. H đã chuyển toàn bộ số tiền chênh lệch so với Bảng lương thực tế hàng tháng tổng cộng của 08 tháng (08 lần) là 312.294.782 đồng vào tài khoản cá nhân của H số: 2702215033375 tại Ngân hàng để chiếm đoạt và tiêu sài cá nhân hết.

Bị cáo thực hiện những hành vi này trong trạng thái tinh thần bình thường, đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm đã xâm phạm đến sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nhưng vì mục đích vụ lợi nên Bị cáo vẫn cố ý thực hiện đến cùng.

Từ các nhận định trên đã đủ cơ sở xác định hành vi của Bị cáo Nguyễn Thế H thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “*Tham ô tài sản*” được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 353 của BLHS năm 2015;

Khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) ...

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:*

Để có tiền tiêu sài cho bản thân, Nguyễn Thế H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ; tự nâng khống số tiền trong chứng từ để chiếm đoạt số tiền 312.294.782 đồng. Hành vi của Bị cáo là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm hại đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; làm thiệt hại tài sản của cơ quan, tổ chức. Vì vậy, cần được đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại Khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, Bị cáo đã tác động đến gia đình để tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, cần cho Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xong số tiền Bị cáo chiếm đoạt lớn, hành vi của Bị cáo đã ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của cơ quan, tổ chức. Vì vậy cần xử Bị cáo hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định trong mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để giáo dục, cải tạo Bị cáo trở thành con người tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 353 của BLHS 2015 thì “*Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Xét thấy, Bị cáo hiện đã bị buộc thôi việc, không có nghề nghiệp ổn định vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ với Bị cáo là phù hợp. Theo Biên bản xác minh ngày 03/5/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện T thì Bị cáo không có tài sản gì có giá trị, sống phụ thuộc vào gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và tịch thu tài sản đối với Bị cáo là phù hợp.

Đối với bà Phùng Thị H1, hành vi của bà H1 là thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng đã gây thiệt hại số tiền 312.294782 đồng đủ yếu tố cấu thành tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” được quy định tại Khoản 1 Điều 360 của BLHS năm 2015 có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm (là tội phạm nghiêm trọng do vô ý). Tuy nhiên, bà H1 đã tự nguyện khắc phục hậu quả nộp lại vào tài khoản của Trường Mầm non Th số tiền 313.228.340 đồng. Ngày 24/12/2018, Trường Mầm non Th đã có Công văn số: 24/CV-MN (được Phòng Giáo dục và đào tạo huyện T xác nhận) xác định đã tự nguyện hòa giải với bà H1 và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bà H1. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015: “*Người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự*” để miễn trách nhiệm hình sự cho bà H1 và kiến nghị Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện T có biện pháp xử lý sai phạm của bà H1 theo quy định là phù hợp.

Đối với ông Hà Viết T và ông Nguyễn Đình H2 được giám đốc Kho bạc giao nhiệm vụ kiểm soát chi đối với trường Mầm non Th. Cả hai ông đã không phát hiện được việc các chứng từ do Nguyễn Thế H lập bị chênh lệch là thiếu trách nhiệm. Tuy nhiên theo quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 quy định về

chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước và Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 161/2012/TT-BTC và các văn bản pháp luật trong lĩnh vực Kho bạc nhà nước không quy định cụ thể việc cán bộ kiểm soát chi phải chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra giữa số liệu chi tiết và số liệu phân tổng trên chứng từ do đơn vị sử dụng ngân sách cung cấp. Tính chính xác của các nội dung trên chứng từ do đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm, cụ thể quy định tại điểm b, khoản 3, điều 4 của Thông tư số 161/2012/TT-BTC quy định về trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách như sau: “...*Quyết định chi theo chế độ, tiêu chuẩn và mức chi trong phạm vi dự toán chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN chịu trách nhiệm về quyết định chi và tính chính xác của các nội dung chi trên bảng kê chứng từ gửi KBNN*”. Cán bộ kiểm soát chi chỉ đối chiếu chế độ, tiêu chuẩn của từng người được hưởng lương trên Bảng thanh toán tiền lương đúng với số liệu trên Giấy rút dự toán ngân sách mà trường Mầm non Th lập và chỉ ký xác nhận trên bản Giấy rút dự toán ngân sách theo quy định mà không phải ký xác nhận trên Bảng thanh toán tiền lương. Mặt khác, quá trình điều tra xác định ông Hà Viết T và ông Nguyễn Đình H2 không có hành vi thông đồng, tiếp tay hay tham gia cùng Nguyễn Thế H chiếm đoạt tiền ngân sách. Do vậy, không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Hà Viết T và Nguyễn Đình H2. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T kiến nghị Kho bạc nhà nước huyện T xử lý đối với ông Hà Viết T và Nguyễn Đình H2 theo quy định là phù hợp.

Đối với số tiền bảo hiểm bị chênh lệch do Nguyễn Thế H nâng khống hệ số lương, ngạch bậc, phụ cấp ưu đãi của cột Tổng trong Bảng thanh toán tiền lương, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Bảo hiểm xã hội huyện T xác định trong thời gian từ tháng 3/2018 đến tháng 10/2018 là 63.158.610 đồng. Tính đến thời điểm hết tháng 10/2018, số tiền bảo hiểm còn tồn của đơn vị trường Mầm non Th tại Bảo hiểm xã hội huyện T là: 64.066.844 đồng. Số tiền trên Bảo hiểm xã hội huyện T đã chuyển sang kỳ sau cho đơn vị trường Mầm non Th. Do vậy, Cơ quan điều tra không tiến hành thu hồi số tiền bảo hiểm chênh lệch nêu trên là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

* *Về trách nhiệm dân sự:*

Bà Phùng Thị H1 đã tự nguyện khắc phục hậu quả thay cho Bị cáo H và nộp vào tài khoản của Trường Mầm non Th số tiền 313.228.340 đồng. Số tiền này nhiều hơn số

tiền mà Bị cáo đã chiếm là 933.558 đồng. Tại phiên tòa, bà H1 tự nguyện không đề nghị Trường Mầm non Th trả lại số tiền chênh lệch trên nên không xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bà H1 yêu cầu Bị cáo phải hoàn trả cho bà số tiền 312.294.782 đồng do bà đã thay Bị cáo khắc phục hậu quả cho Trường Mầm non Th và Bị cáo H đồng ý. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận giữa bà H1 và Bị cáo; Bị cáo H phải hoàn trả lại cho bà H1 số tiền 312.294.782 đồng là phù hợp.

** Về xử lý vật chứng:*

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT – Công an huyện T đã thu giữ 01 chiếc máy tính nhãn hiệu Asus, màu đen (đã qua sử dụng) do Nguyễn Thế H sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác định chiếc máy tính trên là tài sản hợp pháp của trường Mầm non Th và đã trả lại cho trường Mầm non Th, cần xác nhận là phù hợp.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng Nguyễn Thế H đã tự nguyện, chủ động tác động để chị Lê Hồng N (vợ Bị cáo H) giao nộp, khắc phục một phần hậu quả hiện được gửi vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự, nay cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, của Người bào chữa cho Bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Về án phí dân sự trong vụ án hình sự: Bị cáo H phải hoàn trả cho bà H1 số tiền 312.294.782 đồng, tuy nhiên trong quá trình điều tra Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, Bị cáo không phải chịu án phí đối với số tiền đã tự nguyện khắc phục hậu quả. Vì vậy tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự mà Bị cáo phải chịu là $(312.294.782 - 20.000.000) \times 5\% = 14.614.700$ đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội:

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 353; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 38 của BLHS năm 2015.

Tuyên bố Bị cáo Nguyễn Thế H phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Xử phạt Bị cáo Nguyễn Thế H 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 02 tháng 01 năm 2019).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo Nguyễn Thế H.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Khoản 2 Điều 579, Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Xác nhận ngày 26/11/2018 và ngày 17/12/2018, bà Phùng Thị H1 (do bà Hà Thị P nộp thay) đã nộp vào tài khoản, trả cho Trường Mầm non Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ số tiền: 313.228.340 đồng khắc phục hậu quả thay cho Bị cáo H.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Phùng Thị H1 và Bị cáo Nguyễn Thế H: Bị cáo H phải hoàn trả cho bà H1 số tiền: 312.294.782 đồng (ba trăm mười hai triệu hai trăm chín mươi tư nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng).

Xác nhận ngày 26/4/2019, Nguyễn Thế H đã giao nộp: 20.000.000 đồng (do vợ là chị Lê Hồng N nộp thay) để khắc phục hậu quả. Số tiền trên hiện đã được Cơ quan CSĐT – Công an huyện T chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tại Kho bạc Nhà nước huyện T ngày 12/7/2019. Nay tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Khi án có hiệu lực pháp luật, Bị cáo H chậm trả tiền cho bà H1 mà bà H1 có đơn yêu cầu thi hành án thì Bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015; Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận ngày 08/5/2019, Cơ quan CSĐT – Công an huyện T đã trả lại cho Trường Mầm non Th (do Người đại diện hợp pháp là bà H1 nhận) 01 chiếc máy tính Laptop, nhãn hiệu Asus, màu đen (đã qua sử dụng).

5. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, g khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc Bị cáo Nguyễn Thế H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 14.614.700 đồng (mười bốn triệu sáu trăm mười bốn nghìn bảy trăm)

tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự. Tổng cả hai khoản án phí Bị cáo H phải nộp là: 14.814.700 đồng (mười bốn triệu tám trăm mười bốn nghìn bảy trăm).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- UBND nơi b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai